SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Số: 248/XN-KSBT)

1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
2. Mã số mẫu: 20.03.25 - 248/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2020 đến 07/04/2020
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
   Địa chỉ: Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	8,7	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
4	Độ đục	TCVN 6184:1996	NTU	0,62	2
5	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	84	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	22,64	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,017	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,022	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	2,0	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,12	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	0,001	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,12	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	1,05	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,36	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	26,6	250
16	Coliforms (*)	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli(*)			KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.
    Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu "NƯỚC THÀNH PHẨM 2" trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 07 tháng 04 năm 2020

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM – TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ NAM

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Trung Thành **Trần Tất Luận**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Số: 249/XN-KSBT)

VILAS 740

1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 3**
2. Mã số mẫu: 20.03.25 - 249/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2020 đến 07/04/2020
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Nguyễn Thị Kim Thu (Mạng lưới phân phối của Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
   Địa chỉ: Khu đô thị Đồng Văn Xanh, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	8,9	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
4	Độ đục	TCVN 6184:1996	NTU	0,65	2
5	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	84	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	22,64	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,019	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,027	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	1,6	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,3	50
11	Hàm lượng Asen (*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	0,001	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,6	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	2,22	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,3	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	27,2	250
16	Coliforms (*)	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)			KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.
    Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu "NƯỚC THÀNH PHẨM 3" trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 07 tháng 04 năm 2020

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ NAM

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Trung Thành **Trần Tất Luận**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P.Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Số: 250/XN-KSBT)

VILAS 740

1. Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 4**
2. Mã số mẫu: 20.03.25 - 250/QL - NTP
3. Mô tả mẫu: Mẫu được lấy đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 25/03/2020
6. Ngày nhận mẫu: 25/03/2020
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 25/03/2020 đến 07/04/2020
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 686 (Mạng lưới phân phối của Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
   Địa chỉ: Chợ Lương, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Không
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,4	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,5 – 8,5
4	Độ đục	TCVN 6184:1996	NTU	0,7	2
5	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	88	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	22,64	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,02	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,025	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,6	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,64	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	0,001	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,76	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	2,66	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,31	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	27,4	250
16	Coliforms (*)	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli(*)			KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.
    Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu "NƯỚC THÀNH PHẨM 4" trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 07 tháng 04 năm 2020

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH HÀ NAM

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TS Nguyễn Minh Thái

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Trung Thành **Trần Tất Luận**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định